

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN
DẦU KHÍ CÀ MAU**
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Đức Thành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Thanh	Ủy viên
Ông Lê Mạnh Hùng	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Tiến Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 01 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2013

Số: 571 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 07 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 25. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 07 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1924/KTV

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		2.194.051.830.328	36.470.107.747
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.806.395.507.498	26.952.457.292
1. Tiền	111		601.771.824.951	1.952.457.292
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.204.623.682.547	25.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.770.945.402	8.994.115.117
1. Phải thu khách hàng	131		7.106.006.600	-
2. Trả trước cho người bán	132		2.778.766.170	8.994.115.117
3. Các khoản phải thu khác	135		1.886.172.632	-
III. Hàng tồn kho	140	6	218.950.380.811	-
1. Hàng tồn kho	141		228.594.509.973	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.644.129.162)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		156.934.996.617	523.535.338
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.554.673.051	343.382.513
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		138.756.279.370	180.152.825
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	4.624.044.196	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		12.638.840.201.285	1.488.933.092
I. Tài sản cố định	220		12.436.315.480.934	490.245.545
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	12.435.285.722.184	419.245.545
- Nguyên giá	222		13.348.710.434.716	419.245.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(913.424.712.532)	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	653.331.478	71.000.000
- Nguyên giá	228		814.280.000	71.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(160.948.522)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		376.427.272	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	17.064.609.120	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.400.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.335.390.880)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		185.460.111.231	998.687.547
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	185.460.111.231	998.687.547
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		14.832.892.031.613	37.959.040.839

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		11.561.354.942.851	1.001.458.690
I. Nợ ngắn hạn	310		1.737.339.077.210	1.001.458.690
1. Phải trả người bán	312	12	286.764.431.090	855.415.500
2. Người mua trả tiền trước	313		6.317.610.880	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.504.171.354	61.697.168
4. Phải trả người lao động	315		29.300.721.930	58.296.861
5. Chi phí phải trả	316		2.287.790.228	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	1.384.191.971.842	19.311.503
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		26.972.379.886	6.737.658
II. Nợ dài hạn	330		9.824.015.865.641	-
1. Phải trả dài hạn khác	333	15	9.824.015.865.641	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		3.271.537.088.762	36.957.582.149
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	3.271.537.088.762	36.957.582.149
1. Vốn điều lệ	411		3.198.074.222.829	39.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		73.462.865.933	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế	420		-	(2.042.417.851)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		14.832.892.031.613	37.959.040.839

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công

31/12/2012 31/12/2011
108.893.492.977 -


Đinh Như Cường
Người lập biểu

Ngày 07 tháng 3 năm 2013


Lê Ngọc Minh Trí
Kế toán trưởng


Lê Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		2012	Từ ngày 24/03/2011 đến ngày 31/12/2011
1. Doanh thu bán hàng	01	17	4.076.181.767.442	4.768.078.095
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		4.076.181.767.442	4.768.078.095
4. Giá vốn hàng bán	11	18	2.967.939.890.510	4.687.579.619
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	20		1.108.241.876.932	80.498.476
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	32.104.995.150	1.349.896.825
7. Chi phí tài chính	22	21	291.722.625.174	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		282.743.895.137	-
8. Chi phí bán hàng	24		42.651.040.799	676.663.636
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		75.676.948.559	2.796.149.516
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		730.296.257.550	(2.042.417.851)
11. Thu nhập khác	31		10.761.959.943	-
12. Chi phí khác	32		4.387.140.316	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	22	6.374.819.627	-
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		736.671.077.177	(2.042.417.851)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	-	-
16. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		736.671.077.177	(2.042.417.851)


Đinh Như Cường
 Người lập biểu

Ngày 07 tháng 3 năm 2013


Lê Ngọc Minh Trí
 Kế toán trưởng


Lê Mạnh Hùng
 Tổng Giám đốc


Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**Mẫu số B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	Từ ngày 24/03/2011 đến ngày 31/12/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	736.671.077.177	(2.042.417.851)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	913.585.661.054	-
- Các khoản dự phòng	03	12.979.520.042	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(31.953.155.035)	(1.349.896.825)
- Chi phí lãi vay	06	282.743.895.137	-
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.914.026.998.375	(3.392.314.676)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(144.257.313.094)	(9.174.267.942)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(228.594.509.973)	-
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	393.850.949.792	511.213.145
Thay đổi chi phí trả trước	12	133.809.162.241	(1.342.070.060)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.068.835.287.341	(13.397.439.533)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(13.742.187.429)	-
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(125.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	125.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.400.000.000)	-
5. Thu lãi tiền gửi	27	30.233.467.103	1.349.896.825
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.908.720.326)	1.349.896.825
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	39.000.000.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(285.483.516.809)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(285.483.516.809)	39.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ	50	1.779.443.050.206	26.952.457.292
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	26.952.457.292	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	1.806.395.507.498	26.952.457.292

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm 1.926.221.000 VND (từ ngày 24 tháng 3 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011: 490.245.545 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ (Tiếp theo)

Theo Quyết định số 10323/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn chấp thuận giao tài sản Nhà máy Đạm Cà Mau cho Công ty với nguyên giá là 13.665.224.364.477 VND, trong đó, giá trị tài sản cố định là 13.333.742.488.014 VND và giá trị chi phí trả trước là 331.481.876.463 VND. Nguồn vốn hình thành tài sản được xác định như sau: vốn vay ngân hàng trong và ngoài nước là 10.506.150.141.648 VND (xem Thuyết minh số 14 và 15); vốn góp bằng tài sản của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là 3.159.074.222.829 VND (xem Thuyết minh số 16). Chính vì vậy, các chỉ tiêu “Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định” và “Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu” đã được điều chỉnh tương ứng trên phần thay đổi các khoản phải trả và thay đổi chi phí trả trước.

Đinh Như Cường
Người lập biểu

Ngày 07 tháng 3 năm 2013

Lê Ngọc Minh Trí
Kế toán trưởng



Lê Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Phân bón Dầu khí Cà Mau (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001012298 ngày 24 tháng 3 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, và giấy chứng nhận đăng ký thay đổi.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 736 (31 tháng 12 năm 2011: 35).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh, tàng trữ, vận chuyển, phân phối phân bón, sản phẩm hóa chất dầu khí.
- Xuất nhập khẩu, kinh doanh phân bón, hóa chất dầu khí.
- Đầu tư, góp vốn, liên doanh, liên kết với các đơn vị khác để sản xuất, kinh doanh các sản phẩm có liên quan đến phân bón và hóa chất dầu khí.
- Các dịch vụ trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất dầu khí khác có liên quan.
- Kinh doanh các hoạt động vận tải, kho bãi, đầu tư tài chính, kinh doanh các ngành nghề phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo Quyết định số 4913/QĐ-DKVN ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về ngày vận hành thương mại Nhà máy đạm Cà Mau, Công ty bắt đầu chính thức vận hành thương mại Nhà máy Đạm Cà Mau từ ngày 24 tháng 4 năm 2012.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	5

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Cà Mau mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

Do Nhà máy Đạm Cà Mau mới chính thức đưa vào vận hành thương mại nên Công ty chưa trích trước chi phí sửa chữa.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Bản quyền, bằng sáng chế	5
Phần mềm máy vi tính	3

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được xác định giá trị ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá trị đầu tư.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí thành lập, vật tư phụ tùng thay thế và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Ngày 23 tháng 4 năm 2012, Công ty nhận bàn giao từ Ban quản lý Dự án khí - điện - đạm Cà Mau (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) các chi phí đền bù, chi phí đào tạo, thiết bị, công cụ, dụng cụ không đủ điều kiện vốn hóa là tài sản cố định, với giá trị là 331.481.876.463 VND. Các chi phí nhận bàn giao này nằm trong giá trị Nhà máy Đạm Cà Mau đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chấp thuận giao cho Công ty theo Quyết định số 10323/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Các chi phí nhận bàn giao này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai (02) đến ba (03) năm kể từ ngày Công ty chính thức vận hành thương mại (ngày 24 tháng 4 năm 2012).

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai (02) đến ba (03) năm.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 61101000153 ngày 04 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau, Công ty được hưởng các ưu đãi đối với dự án Nhà máy Đạm Cà Mau như sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: được áp dụng mức thuế suất ưu đãi và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Đất đai: được miễn, giảm thuế sử dụng đất, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và tiền thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về thuế hiện hành.
- Thuế nhập khẩu: được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, vật tư phương tiện vận tải và hàng hóa khác để thực hiện dự án đầu tư theo quy định Luật thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu.

Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm. Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính, Công ty đang trong giai đoạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	172.682.361	37.702.009
Tiền gửi ngân hàng	601.599.142.590	1.914.755.283
Các khoản tương đương tiền (*)	1.204.623.682.547	25.000.000.000
	<u>1.806.395.507.498</u>	<u>26.952.457.292</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty có kỳ hạn không quá ba tháng.

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	58.113.400.073	-
Công cụ, dụng cụ	222.622.467	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	104.235.350.851	-
Thành phẩm	66.023.136.582	-
	<u>228.594.509.973</u>	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.644.129.162)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>218.950.380.811</u>	-

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	310.000.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.314.044.196	-
	<u>4.624.044.196</u>	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
 Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1
 Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2012	-	-	-	419.245.545	-	-	419.245.545
Mua trong năm	2.382.176.365	8.053.318.948	-	3.967.547.657	145.658.187	-	14.548.701.157
Nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	3.115.185.893.699	10.159.508.590.168	18.245.873.567	28.143.791.638	12.658.338.942	-	13.333.742.488.014
Tại ngày 31/12/2012	3.117.568.070.064	10.167.561.909.116	18.245.873.567	32.530.584.840	12.803.997.129	-	13.348.710.434.716
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2012	-	-	-	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	210.617.543.355	697.677.662.107	4.681.348.331	406.221.140	41.937.599	-	913.424.712.532
Tại ngày 31/12/2012	210.617.543.355	697.677.662.107	4.681.348.331	406.221.140	41.937.599	-	913.424.712.532
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 31/12/2012	2.906.950.526.709	9.469.884.247.009	13.564.525.236	32.124.363.700	12.762.059.530	-	12.435.285.722.184
Tại ngày 31/12/2011	-	-	-	419.245.545	-	-	419.245.545

(*) Theo Quyết định số 10323/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn chấp thuận bàn giao tài sản Nhà máy Đạm Cà Mau cho Công ty với nguyên giá là 13.665.224.364.477 VND - giá trị quyết toán dự án hoàn thành dự án Nhà máy Đạm Cà Mau đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 19 tháng 10 năm 2012, trong đó, giá trị tài sản cố định là 13.333.742.488.014 VND và giá trị các chi phí đền bù, chi phí đào tạo, thiết bị, công cụ dụng cụ không đủ điều kiện vốn hóa là tài sản cố định là 331.481.876.463 VND.

Nguồn vốn hình thành tài sản được xác định như sau: vốn vay ngân hàng trong và ngoài nước là 10.506.150.141.648 VND (xem Thuyết minh số 14 và 15); vốn đầu tư phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là 3.159.074.222.829 VND (xem Thuyết minh số 16). Giá trị tài sản trên sẽ được điều chỉnh khi có Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Nhà máy Đạm Cà Mau của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty bắt đầu thực hiện tính khấu hao từ ngày 24 tháng 4 năm 2012 - ngày Công ty chính thức vận hành thương mại Nhà máy Đạm Cà Mau.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	-	71.000.000	71.000.000
Tăng trong năm	151.000.000	592.280.000	743.280.000
Tại ngày 31/12/2012	151.000.000	663.280.000	814.280.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	-	-	-
Khấu hao trong năm	29.329.755	131.618.767	160.948.522
Tại ngày 31/12/2012	29.329.755	131.618.767	160.948.522
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	121.670.245	531.661.233	653.331.478
Tại ngày 31/12/2011	-	71.000.000	71.000.000

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2012 VND	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	Bạc Liêu	62,48	62,48	20.400.000.000	Sản xuất bao bì
				20.400.000.000	

Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 22 tháng 10 năm 2012 giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco), Công ty đồng ý nhận chuyển nhượng 2.040.000 cổ phần tương đương 20.400.000.000 VND vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP) với giá chuyển nhượng là 20.400.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần 3 ngày 27 tháng 12 năm 2012 của PSP, Công ty nắm giữ 2.040.000 cổ phần, tương đương 62,48% vốn điều lệ của PSP.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản thuần (sau kiểm toán) của PSP thấp hơn số vốn đã góp của các cổ đông là 5.337.885.531 VND, do đó, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện trích lập dự phòng dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính vào PSP với số tiền 3.335.390.880 VND.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí bàn giao chờ phân bổ (*)	173.585.751.390	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	10.869.962.273	-
Thiết bị, công cụ, dụng cụ	1.004.397.568	998.687.547
	185.460.111.231	998.687.547

(*) Ngày 23 tháng 4 năm 2012, Công ty nhận bàn giao từ Ban quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) các chi phí đền bù, chi phí đào tạo, thiết bị, công cụ dụng cụ không đủ điều kiện vốn hóa là tài sản cố định, với giá trị là 331.481.876.463 VND. Các chi phí nhận bàn giao này nằm trong giá trị Nhà máy Đạm Cà Mau đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chấp thuận giao cho Công ty theo Quyết định số 10323/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	196.949.607.527	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	39.176.167.689	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	10.804.164.956	-
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	7.277.424.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	4.262.203.000	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	1.326.458.175	-
Các bên liên quan khác	981.936.961	-
Phải trả các người bán khác		
Công ty Cổ phần F.A	4.388.814.768	-
Công ty TNHH NBN	4.084.379.918	-
Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	3.839.271.260	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phước	1.783.474.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Hoir kỹ nghệ Tân Tân	1.735.816.918	-
Các đối tượng khác	10.154.711.918	855.415.500
	286.764.431.090	855.415.500

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán	-	29.103.142.709	29.103.142.709	-
Thuế thu nhập cá nhân	61.697.168	5.684.482.881	4.242.008.695	1.504.171.354
Thuế nhà đất	-	951.558.758	951.558.758	-
Thuế tài nguyên	-	191.082.240	191.082.240	-
Thuế nhập khẩu	-	115.947.182	115.947.182	-
Phí, lệ phí	-	11.992.000	11.992.000	-
Thuế môn bài	-	3.998.400	3.998.400	-
	61.697.168	36.062.204.170	34.619.729.984	1.504.171.354

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	1.036.244.148.108	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh số 15)	682.134.276.007	-
Chi phí lãi vay phải trả	282.743.895.137	-
Thuế giá trị gia tăng đầu vào từ mua khí trong giai đoạn trước khi chính thức vận hành thương mại	69.617.285.554	-
Các khoản khác	1.748.691.410	-
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	346.317.687.583	-
Lợi nhuận phải trả	340.645.307.958	-
Phí bảo lãnh khoản vay	5.598.697.616	-
Các khoản khác	73.682.009	-
Kinh phí công đoàn	1.149.515.034	18.523.843
Phải trả khác	480.621.117	787.660
	1.384.191.971.842	19.311.503

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	682.134.276.007	-
Trong năm thứ hai	1.353.854.552.014	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.061.563.656.040	-
Sau năm năm	4.408.597.657.587	-
Cộng	10.506.150.141.648	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần phải trả ngắn hạn)	682.134.276.007	-
Số phải trả sau 12 tháng	9.824.015.865.641	-

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại ngày 24/3/2011	-	-	-	-
(Lỗ) trong kỳ	-	-	(2.042.417.851)	(2.042.417.851)
Nhận vốn góp trong kỳ	39.000.000.000	-	-	39.000.000.000
Số dư tại ngày 01/01/2012	39.000.000.000	-	(2.042.417.851)	36.957.582.149
Lợi nhuận trong năm	-	-	736.671.077.177	736.671.077.177
Nhận vốn góp trong năm	3.159.074.222.829	-	-	3.159.074.222.829
Tạm phân phối quỹ (i)	-	73.462.865.933	(73.462.865.933)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(35.036.968.626)	(35.036.968.626)
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ (ii)	-	-	(285.483.516.809)	(285.483.516.809)
Phải trả lợi nhuận về Công ty mẹ	-	-	(340.645.307.958)	(340.645.307.958)
Số dư tại ngày 31/12/2012	3.198.074.222.829	73.462.865.933	-	3.271.537.088.762

(i) Trong năm 2012, Công ty tạm trích lập quỹ dự phòng tài chính và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 với số tiền tương ứng là 73.462.865.933 VND và 35.036.968.626 VND theo Quy chế tài chính của Công ty đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt theo Quyết định số 3860/QĐ-DKVN ngày 05 tháng 5 năm 2011.

(ii) Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 285.483.516.809 VND.

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 1 số 2001012298 ngày 14 tháng 7 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 39.000.000.000 VND. Chủ sở hữu của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, nắm giữ 100% vốn điều lệ. Theo Quyết định số 10323/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn phê duyệt tăng vốn điều lệ và góp bằng giá trị tài sản cho Công ty là 3.159.074.222.829 VND. Do vậy, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên thành 3.198.074.222.829 VND.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. DOANH THU BÁN HÀNG**

	2012	Từ ngày 24/03/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Doanh thu Ure	3.949.139.225.506	4.495.238.095
Doanh thu Amoniac	57.284.852.927	-
Doanh thu Formaldehyde Solutino	69.757.689.009	272.840.000
	4.076.181.767.442	4.768.078.095

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2012	Từ ngày 24/03/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Giá vốn Ure	2.862.625.071.592	4.419.047.619
Giá vốn Amoniac	27.070.327.554	-
Giá vốn Formaldehyde Solutino	68.600.362.202	268.532.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.644.129.162	-
	2.967.939.890.510	4.687.579.619

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012	Từ ngày 24/03/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.987.772.338.183	-
Chi phí nhân công	165.064.297.195	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	914.807.007.153	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.696.714.735	-
Chi phí khác	49.562.201.615	4.687.579.619
	3.181.902.558.881	4.687.579.619

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	Từ ngày 24/03/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	31.953.155.035	1.349.896.825
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	151.840.115	-
	32.104.995.150	1.349.896.825

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012	Từ ngày 24/03/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	282.743.895.137	-
Phí bảo lãnh	5.598.697.616	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.335.390.880	-
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	44.641.541	-
	291.722.625.174	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2012	Từ ngày 24/03/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Thu nhập từ bán phế liệu	10.733.087.815	-
Khác	28.872.128	-
Thu nhập khác	10.761.959.943	-
Khấu hao tài sản cố định nhận bàn giao	3.505.300.211	-
Chi thường cho đại lý	830.000.000	-
Khác	51.840.105	-
Chi phí khác	4.387.140.316	-
Lợi nhuận khác	6.374.819.627	-

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Theo Công văn số 4641/TCT-CS của Tổng Cục thuế ngày 02 tháng 12 năm 2008 gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trả lời về việc ưu đãi thuế đối với Dự án Nhà máy Đạm Cà Mau, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Công ty không tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2012 do đây là năm đầu tiên kinh doanh có lãi.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

24. CAM KẾT KHÁC

Theo Hợp đồng mua bán khí số 3918/HĐ-DKVN ngày 23 tháng 5 năm 2012 giữa Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty sẽ mua khí thiên nhiên của Lô PM3 CAA và Lô 46- Cái Nước từ Tập đoàn trong vòng 20 năm kể từ ngày vận hành chính thức, với sản lượng 457,38 triệu m³ khí tiêu chuẩn mỗi năm và giá mua trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 không thấp hơn mức giá quy định trong bảng dưới đây:

Năm	2011	2012	2013	2014	2015
Giá khí (USD/tr.BTU)	4,56	6,43	6,56	6,69	6,83

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của Tập đoàn (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay (xem Thuyết minh số 14 và 15)	10.506.150.141.648	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.806.395.507.498	26.952.457.292
Nợ thuần	8.699.754.634.150	(26.952.457.292)
Vốn chủ sở hữu	3.271.537.088.762	36.957.582.149
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	2,66	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.806.395.507.498	26.952.457.292
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.992.179.232	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.314.044.196	-
Tổng cộng	1.819.701.730.926	26.952.457.292
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	11.493.822.753.539	856.203.160
Chi phí phải trả	2.287.790.228	-
Tổng cộng	11.496.110.543.767	856.203.160

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô-la-Mỹ (USD)	202.946.801.851	-	-	-
Euro (EUR)	-	-	4.314.044.196	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(20.294.680.185)	-
Euro (EUR)	431.404.420	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, theo Quyết định số 10323/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty nhận bàn giao tài sản Nhà máy Đạm Cà Mau tương ứng nguồn vốn vay là 10.506.150.141.648 VND. Giá trị này là các hợp đồng tín dụng được Tập đoàn ký với các ngân hàng trong và ngoài nước để tài trợ cho dự án Nhà máy Đạm Cà Mau.

Do đó, Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm/tăng 210.123.002.833 VND (2011: 0 VND).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)***Tăng/(Giảm) số
điểm cơ bản****Ảnh hưởng đến
lợi nhuận trước
thuế****VND**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

VND

+200

(210.123.002.833)

VND

-200

210.123.002.833

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

VND

+200

-

VND

-200

-

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Thành viên của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.806.395.507.498	-	1.806.395.507.498
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.992.179.232	-	8.992.179.232
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.314.044.196	-	4.314.044.196
Tổng cộng	1.819.701.730.926	-	1.819.701.730.926
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.669.806.887.898	9.824.015.865.641	11.493.822.753.539
Chi phí phải trả	2.287.790.228	-	2.287.790.228
Tổng cộng	1.672.094.678.126	9.824.015.865.641	11.496.110.543.767
Chênh lệch thanh khoản thuần	147.607.052.800	(9.824.015.865.641)	(9.676.408.812.841)
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.952.457.292	-	26.952.457.292
Tổng cộng	26.952.457.292	-	26.952.457.292
31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	856.203.160	-	856.203.160
Tổng cộng	856.203.160	-	856.203.160
Chênh lệch thanh khoản thuần	26.096.254.132	-	26.096.254.132

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>2012</u>	<u>Từ ngày 24/03/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>đến ngày 31/12/2011</u>
		<u>VND</u>
Bán hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	1.222.636.793.228	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	127.523.809.524	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.109.966.387.588	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	156.698.305.486	-
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	59.099.090.000	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	18.977.053.304	-
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	9.817.980.000	-
Trường Cao Đẳng Nghề Dầu Khí	2.262.225.000	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, đường Ngô Quyền, phường 1

Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau (Tiếp theo):

	2012 VND	Từ ngày 24/03/2011 đến ngày 31/12/2011 VND
Chuyển lợi nhuận về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	285.483.516.809	-
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	4.876.809.109	88.867.000
Số dư chủ yếu với các bên liên quan:		
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	-	8.112.540.000
Phải trả người bán		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	196.949.607.527	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	39.176.167.689	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	10.804.164.956	-
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	7.277.424.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	4.262.203.000	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	1.326.458.175	-
Phải trả khác		
Ban quản lý dự án Khí- Điện- Đạm Cà Mau		
Số tiền vay	10.506.150.141.648	-
Lãi vay phải trả	282.743.895.137	-
Các khoản phải trả khác	71.365.976.964	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Lợi nhuận phải trả	340.645.307.958	-
Phí bảo lãnh khoản vay	5.598.697.616	-
Các khoản phải trả khác	73.682.009	-

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo các Quyết định số 533/QĐ-DKVN và số 534/QĐ-DKVN ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, từ ngày 15 tháng 01 năm 2013, Tập đoàn chuyển giao cho Công ty thay mặt Tập đoàn thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Bên vay (trừ việc rút vốn vay) được quy định trong các Hợp đồng tín dụng nêu tại Thuyết minh số 15.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Số liệu trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 24 tháng 3 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 không so sánh được với số liệu kỳ này do không thống nhất về kỳ kế toán.


Đinh Như Cường
Người lập biểu

Ngày 07 tháng 3 năm 2013


Lê Ngọc Minh Trí
Kế toán trưởng


Lê Mạnh Hùng
Tổng Giám đốc